SAO Y; CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I;
Thời gian ký: 2026-11-16T09:05:47+07:00

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ
TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KVI

Số: 487/TB-CNTTPTQĐKVI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v công khai người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền đối với đất và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống thuộc hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ- CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15, ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và các công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 04/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 141/2026/QĐ-UBND ngày 08/11/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp: Xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống thuộc hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống thuộc hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên;

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực I phối hợp với UBND phường Phan Đình Phùng; Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc phường Phan Đình Phùng cùng các thành phần có liên quan tiến hành niêm yết công khai người có đất thu hồi và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thực hiện dự án: Bồi thường, giải phóng mặt bằng Xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống thuộc hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên.

Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày 11 /11 /2026 đến ngày 20 /11/2026.

Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở UBND phường Phan Đình Phùng; địa điểm sinh hoạt chung của tổ dân phố số 18, phường Phan Đình Phùng và hộ gia đình, cá nhân.

Trong thời gian niêm yết công khai trên mọi ý kiến thắc mắc của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức về người có đất thu hồi và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi về UBND phường Phan Đình Phùng hoặc Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực I để tổng hợp giải quyết.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực I sẽ phối hợp với UBND phường Phan Đình Phùng, UB MTTQ phường Phan Đình Phùng tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:
- UBND p.Phan Đình Phùng;
- UB MTTQ p.Phan Đình Phùng;
- Tổ dân phố;
- Hộ gia đình, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT-Phòng NV1.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I

Đặng Xuân Liêm

BẢNG TỔNG HỢP DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

Dự án: Bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống thuộc hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Thông báo số 487/TB-CNTTPTQĐKVI ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực I)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Bản đồ 299		Bản đồ địa chính chỉnh lý					Bồi thường đất nông nghiệp	Bồi thường sản lượng, cây cối	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng bàn giao MB	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
			Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*14*	*15*	*16*	*17=11+...+16*
1	Nguyễn Văn Quảng	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**179,4**		**21.528.000**	**4.664.400**	**10.130.400**	**107.640.000**	**897.000**	**144.859.800**
					19	88	45	179,4	HNK	21.528.000	4.664.400	10.130.400	107.640.000	897.000	144.859.800
2	Đoàn Thị Tiến	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**349,3**		**41.916.000**	**88.864.118**	**3.376.800**	**209.580.000**	**1.746.500**	**345.483.418**
			8	438	19	88	51	238,9	HNK	28.668.000	84.006.518	3.376.800	143.340.000	1.194.500	260.585.818
			9	239	19	88	263	110,4	HNK	13.248.000	4.857.600		66.240.000	552.000	84.897.600
3	Thiều Thị Hoa, Nguyễn Thanh Du	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**216,0**		**25.920.000**	**9.504.000**	**6.753.600**	**129.600.000**	**1.080.000**	**172.857.600**
					19	88	249	216,0	LUK	25.920.000	9.504.000	6.753.600	129.600.000	1.080.000	172.857.600
4	Nguyễn Tiến Tranh	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**35,6**		**4.272.000**	**1.566.400**	**20.260.800**	**21.360.000**	**178.000**	**47.637.200**
			8	221	16	76	295	35,6	LUK	4.272.000	1.566.400	20.260.800	21.360.000	178.000	47.637.200

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Bản đồ 299		Bản đồ địa chính chỉnh lý					Bồi thường đất nông nghiệp	Bồi thường sản lượng, cây cối	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng bàn giao MB	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
			Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*14*	*15*	*16*	*17=11+...+16*
5	Nguyễn Tuyết Nhung	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**1010,1**		**121.212.000**	**125.821.086**	**20.260.800**	**606.060.000**	**5.050.500**	**878.404.386**
					18	87	181	556,4	LUC	66.768.000	69.306.853	20.260.800	333.840.000	2.782.000	492.957.653
					19	88	241	453,7	LUC	54.444.000	56.514.233		272.220.000	2.268.500	385.446.733
6	Dương Thị Chất	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**179,8**		**21.576.000**	**1.294.560**	**6.753.600**	**107.880.000**	**899.000**	**138.403.160**
					19	88	188	179,8	LUC	21.576.000	1.294.560	6.753.600	107.880.000	899.000	138.403.160
7	Nguyễn Văn Quang	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**440,0**		**52.800.000**	**224.209.920**	**20.260.800**	**264.000.000**	**2.200.000**	**563.470.720**
					16	76	278	440,0	LUK	52.800.000	224.209.920	20.260.800	264.000.000	2.200.000	563.470.720
8	Trần Trọng Tập	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						459,7		**55.164.000**	**20.226.800**	**20.260.800**	**275.820.000**	**2.298.500**	**373.770.100**
					19	88	257	252,1	LUK	30.252.000	11.092.400	20.260.800	151.260.000	1.260.500	214.125.700
					19	88	258	207,6	LUK	24.912.000	9.134.400		124.560.000	1.038.000	159.644.400
9	Nguyễn Văn Mão, Đoàn Thị Thủy	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						483,7		58.044.000	5.590.000	13.507.200	290.220.000	2.418.500	369.779.700
					18	87	186	483,7	HNK	58.044.000	5.590.000	13.507.200	290.220.000	2.418.500	369.779.700
10	Đặng Thị Hòa	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**95,9**		**11.508.000**	**11.945.592**	**6.753.600**	**57.540.000**	**479.500**	**88.226.692**
					18	87	176	95,9	LUC	11.508.000	11.945.592	6.753.600	57.540.000	479.500	88.226.692
11	Nguyễn Thị Vui	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**521,7**		**62.604.000**	**17.621.400**	**13.507.200**	**313.020.000**	**2.608.500**	**409.361.100**
					16	76	540	296,3	HNK	35.556.000	7.703.800	13.507.200	177.780.000	1.481.500	236.028.500
					16	76	554	225,4	HNK	27.048.000	9.917.600		135.240.000	1.127.000	173.332.600

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Bản đồ 299		Bản đồ địa chính chỉnh lý					Bồi thường đất nông nghiệp	Bồi thường sản lượng, cây cối	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng bàn giao MB	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
			Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*14*	*15*	*16*	*17=11+...+16*
12	Nguyễn Dũng Kháng, Nguyễn Thị Sinh	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**954,4**		**114.528.000**	**44.050.610**	**30.391.200**	**572.640.000**	**4.772.000**	**766.381.810**
					16	76	273	56,5	HNK	6.780.000	7.037.810	30.391.200	33.900.000	282.500	78.391.510
					16	76	375	138,6	HNK	16.632.000	3.603.600		83.160.000	693.000	104.088.600
					16	76	484	498,2	HNK	59.784.000	21.920.800		298.920.000	2.491.000	383.115.800
					19	88	210	261,1	HNK	31.332.000	11.488.400		156.660.000	1.305.500	200.785.900
13	Nguyễn Đình Nhu	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**517,5**		**62.100.000**	**13.455.000**	**20.260.800**	**310.500.000**	**2.587.500**	**408.903.300**
			8	438	19	88	49	517,5	HNK	62.100.000	13.455.000	20.260.800	310.500.000	2.587.500	408.903.300
14	Nguyễn Huy Chung	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**410,2**		**49.224.000**	**51.095.743**	**23.637.600**	**246.120.000**	**2.051.000**	**372.128.343**
					19	88	239	410,2	LUC	49.224.000	51.095.743	23.637.600	246.120.000	2.051.000	372.128.343
15	Nguyễn Thị Thanh	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**192,4**		**23.088.000**	**5.002.400**	**6.753.600**	**115.440.000**	**962.000**	**151.246.000**
			8	485	19	88	94	192,4	HNK	23.088.000	5.002.400	6.753.600	115.440.000	962.000	151.246.000
16	Nguyễn Sơn Hà	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**332,8**		**39.936.000**	**15.698.555**	**10.130.400**	**199.680.000**	**1.664.000**	**267.108.955**
			8	398	16	76	539	332,8	LUK	39.936.000	15.698.555	10.130.400	199.680.000	1.664.000	267.108.955
17	Nguyễn Thị Thùy	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**383,6**		**46.032.000**	**16.878.400**	**10.130.400**	**230.160.000**	**1.918.000**	**305.118.800**
			10	341	18	87	178	383,6	LUC	46.032.000	16.878.400	10.130.400	230.160.000	1.918.000	305.118.800

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Bản đồ 299		Bản đồ địa chính chỉnh lý					Bồi thường đất nông nghiệp	Bồi thường sản lượng, cây cối	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng bàn giao MB	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
			Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*14*	*15*	*16*	*17=11+...+16*
18	Lê Đình Thắn	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**104,5**		**12.540.000**	**4.598.000**	**30.391.200**	**62.700.000**	**522.500**	**110.751.700**
					19	88	290	104,5	LUC	12.540.000	4.598.000	30.391.200	62.700.000	522.500	110.751.700
19	Nguyễn Thị Tuất	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**61,0**		**7.320.000**	**31.083.648**	**6.753.600**	**36.600.000**	**305.000**	**82.062.248**
			9	244	19	88	194	61,0	LUK	7.320.000	31.083.648	6.753.600	36.600.000	305.000	82.062.248
20	Nguyễn Thị Kim Thành	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**426,1**		**51.132.000**	**217.126.925**	**54.028.800**	**255.660.000**	**2.130.500**	**580.078.225**
					19	88	253	426,1	LUK	51.132.000	217.126.925	54.028.800	255.660.000	2.130.500	580.078.225
21	Lê Văn Xuân	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**579,6**		**69.552.000**	**17.366.400**	**6.753.600**	**347.760.000**	**2.898.000**	**444.330.000**
			8	245	16	76	374	127,6	LUK	15.312.000	5.614.400	6.753.600	76.560.000	638.000	104.878.000
			8	229	16	76	287	452,0	LUK	54.240.000	11.752.000		271.200.000	2.260.000	339.452.000
22	Nguyễn Mạnh Huấn	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng						**460,0**		**55.200.000**	**47.840.000**	**33.768.000**	**276.000.000**	**2.300.000**	**415.108.000**
					16	76	288	460,0	LUK	55.200.000	47.840.000	33.768.000	276.000.000	2.300.000	415.108.000
	Tổng cộng							**8393,3**		**1.007.196.000**	**975.503.956**	**374.824.800**	**5.035.980.000**	**41.966.500**	**7.435.471.256**